PHỤ LỤC
DANH MỤC HÀNG HÓA MỜI CHÀO GIÁ
Gói thầu số 05: Vị thuốc cổ truyền (không bao gồm vị thuốc cổ truyền có dạng bào chế cao, cốm, bột, dịch chiết, tinh dầu, nhựa, gôm, thạch đã được tiêu chuẩn hóa)
(Đính kèm Thông báo số 1279/TB-SYT ngày 27 tháng 11 năm 2026 của Sở Y tế thành phố Đồng Nai)

STT	Mã số	Tên vị thuốc cổ truyền	Tên khoa học	Bộ phận dùng	Dạng sơ chế/ Phương pháp chế biến	Tiêu chuẩn chất lượng	Nhóm TCKT	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến	Ghi chú
1	1	Bạch linh (Phục linh, Bạch phục linh)	*Poria*	Nấm rễ thông	Sấy khô	DĐVN V/ TCCS	2	Kg	89	
2	2	Bạch linh (Phục linh, Bạch phục linh)	*Poria*	Nấm rễ thông	Sơ chế	DĐVN V/ TCCS	2	Kg	72	
3	3	Bạch linh (Phục linh, Bạch phục linh)	*Poria*	Nấm rễ thông	Thái phiến	DĐVN V/ TCCS	2	Kg	299	
4	4	Bạch thược	*Radix Paeoniae lactiflorae*	Rễ	Thái phiến	DĐVN V/ TCCS	2	Kg	294	
5	5	Bạch truật	*Rhizoma Atractylodis macrocephalae*	Thân rễ	Sao cám mật ong/ Chích rượu	DĐVN V/ TCCS	2	Kg	246	
6	6	Bạch truật	*Rhizoma Atractylodis macrocephalae*	Thân rễ	Thái phiến	DĐVN V/ TCCS	2	Kg	250	
7	7	Cam thảo	*Radix Glycyrrhizae*	Rễ	Chích mật	DĐVN V/ TCCS	2	Kg	276	
8	8	Cam thảo	*Radix Glycyrrhizae*	Rễ	Sao vàng	DĐVN V/ TCCS	2	Kg	241	
9	9	Câu kỷ tử	*Fructus Lycii*	Quả	Sơ chế	DĐVN V/ TCCS	2	Kg	294	
10	10	Cẩu tích	*Rhizoma Cibotii*	Thân rễ	Thái phiến	DĐVN V/ TCCS	2	Kg	264	
11	11	Đại táo	*Fructus Ziziphi jujubae*	Quả	Sấy khô	DĐVN V/ TCCS	2	Kg	703	
12	12	Đan sâm	*Radix Salviae miltiorrhizae*	rễ	Thái phiến	DĐVN V/ TCCS	2	Kg	220	
13	13	Đảng sâm	*Radix Codonopsis*	rễ	Thái phiến	DĐVN V/ TCCS	2	Kg	831	
14	14	Đỗ trọng	*Cortex Eucommiae*	vỏ thân	Chích muối	DĐVN V/ TCCS	2	Kg	169	
15	15	Đỗ trọng	*Cortex Eucommiae*	vỏ thân	Thái phiến	DĐVN V/ TCCS	2	Kg	445	
16	16	Độc hoạt	*Radix Angelicae pubescentis*	Rễ	Thái phiến	DĐVN V/ TCCS	2	Kg	573	
17	17	Đương quy (Toàn quy)	*Radix Angelicae sinensis*	Rễ	Sơ chế	DĐVN V/ TCCS	2	Kg	597	
18	18	Hoài sơn	*Tuber Dioscoreae persimilis*	Thân rễ	Sao vàng	DĐVN V/ TCCS	2	Kg	276	
19	19	Hoài sơn	*Tuber Dioscoreae persimilis*	Thân rễ	Thái phiến	DĐVN V/ TCCS	2	Kg	157	
20	20	Hoàng cầm	*Radix Scutellariae*	Rễ	Thái phiến	DĐVN V/ TCCS	2	Kg	63	
21	21	Hoàng kỳ (Bạch kỳ)	*Radix Astragali membranacei*	Rễ	Chích mật	DĐVN V/ TCCS	2	Kg	672	
22	22	Hoàng kỳ (Bạch kỳ)	*Radix Astragali membranacei*	Rễ	Thái phiến	DĐVN V/ TCCS	2	Kg	240	

STT	Mã số	Tên vị thuốc cổ truyền	Tên khoa học	Bộ phận dùng	Dạng sơ chế/ Phương pháp chế biến	Tiêu chuẩn chất lượng	Nhóm TCKT	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến	Ghi chú
23	23	Hồng hoa	*Flos Carthami tinctorii*	Hoa	Sơ chế	DĐVN V/ TCCS	2	Kg	101	
24	24	Khiếm thực	*Semen Euryales*	Hạt	Sao vàng	DĐVN V/ TCCS	2	Kg	62	
25	25	Khương hoạt	*Rhizoma et Radix Notopterygii*	Thân rễ	Thái phiến	DĐVN V/ TCCS	2	Kg	421	
26	26	Kim ngân hoa	*Flos Lonicerae*	Nụ hoa	Sơ chế	DĐVN V/ TCCS	2	Kg	67	
27	27	Long nhãn	*Arillus Longan*	Cùi nhãn	Sấy khô	DĐVN V/ TCCS	2	Kg	667	
28	28	Mẫu đơn bì	*Cortex Paeoniae suffruticosae*	Vỏ rễ	Thái phiến	DĐVN V/ TCCS	2	Kg	147	
29	29	Ngưu tất	*Radix Achyranthis bidentatae*	Rễ	Thái phiến	DĐVN V/ TCCS	2	Kg	474	
30	30	Ô tặc cốt	*Os Sepiae*	Mai	Sấy khô	DĐVN V/ TCCS	2	Kg	30	
31	31	Phòng phong	*Radix Saposhnikoviae divaricatae*	Rễ	Thái phiến	DĐVN V/ TCCS	2	Kg	360	
32	32	Sa sâm	*Radix Glehniae*	Rễ	Thái phiến	DĐVN V/ TCCS	2	Kg	95	
33	33	Sinh địa	*Radix Rehmanniae glutinosae*	Rễ	Thái phiến	DĐVN V/ TCCS	2	Kg	90	
34	34	Sơn thù	*Fructus Corni officinalis*	Quả	Chưng rượu	DĐVN V/ TCCS	2	Kg	251	
35	35	Sơn thù	*Fructus Corni officinalis*	Quả	Sơ chế (loại tạp)	DĐVN V/ TCCS	2	Kg	184	
36	36	Tần giao	*Semen Ziziphi mauritianae*	Nhân hạt	Sao đen	DĐVN V/ TCCS	2	Kg	94	
37	37	Tần giao	*Radix Gentianae macrophyllae*	Rễ	Thái phiến	DĐVN V/ TCCS	2	Kg	437	
38	38	Tế tân	*Radix et Rhizoma Asari*	Rễ	Thái phiến	DĐVN V/ TCCS	2	Kg	242	
39	39	Thương truật	*Rhizoma Atractylodis*	Thân rễ	Sao qua/ Sao vàng	DĐVN V/ TCCS	2	Kg	126	
40	40	Thương truật	*Rhizoma Atractylodis*	Thân rễ	Sao vàng	DĐVN V/ TCCS	2	Kg	25	
41	41	Thương truật	*Rhizoma Atractylodis*	Thân rễ	Thái phiến	DĐVN V/ TCCS	2	Kg	51	
42	42	Tục đoạn	*Radix Dipsaci*	Rễ	Thái phiến	DĐVN V/ TCCS	2	Kg	190	
43	43	Viễn chí	*Radix Polygalae*	Rễ	Chích mật/ Sao vàng	DĐVN V/ TCCS	2	Kg	221	
44	44	Viễn chí	*Radix Polygalae*	Rễ	Thái phiến	DĐVN V/ TCCS	2	Kg	192	
45	45	Xích thược	*Radix Paeoniae*	Rễ	Chích rượu/ Sao vàng	DĐVN V/ TCCS	2	Kg	212	
46	46	Xích thược	*Radix Paeoniae*	Rễ	Thái phiến	DĐVN V/ TCCS	2	Kg	244	
47	47	Ba kích	*Radix Morindae officinalis*	Rễ	Chích muối	DĐVN V/ TCCS	3	Kg	354	
48	48	Bạch biển đậu	*Semen Lablab*	Hạt	Sao vàng	DĐVN V/ TCCS	3	Kg	55	

STT	Mã số	Tên vị thuốc cổ truyền	Tên khoa học	Bộ phận dùng	Dạng sơ chế/ Phương pháp chế biến	Tiêu chuẩn chất lượng	Nhóm TCKT	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến	Ghi chú
49	49	Bạch chỉ	*Radix Angelicae dahuricae*	Thân rễ	Thái phiến	DĐVN V/ TCCS	3	Kg	307	
50	50	Bạch linh (Phục linh, Bạch phục linh)	*Poria*	Nấm	Thái phiến	DĐVN V/ TCCS	3	Kg	560	
51	51	Bạch tật lê	*Fructus Tribuli terrestris*	Quả	Sao vàng	DĐVN V/ TCCS	3	Kg	65	
52	52	Bạch thược	*Radix Paeoniae lactiflorae*	Rễ	Sao vàng	DĐVN V/ TCCS	3	Kg	601	
53	53	Bạch truật	*Rhizoma Atractylodis macrocephalae*	Thân rễ	Chích rượu/ Sao cám mật ong	DĐVN V/ TCCS	3	Kg	512	
54	54	Bán hạ bắc	*Rhizoma Pinelliae*	Thân rễ	Chích gừng	DĐVN V/ TCCS	3	Kg	138	
55	55	Bình vôi	*Tuber Stephaniae*	Thân rễ	Thái phiến	DĐVN V/ TCCS	3	Kg	186	
56	56	Cam thảo	*Radix Glycyrrhizae*	Rễ	Chích mật	DĐVN V/ TCCS	3	Kg	550	
57	57	Can khương	*Rhizoma Zingiberis*	Thân rễ	Sao vàng	DĐVN V/ TCCS	3	Kg	255	
58	58	Cảo bản	*Rhizoma et Radix Ligustici sinensis*	Thân rễ	Thái phiến	DĐVN V/ TCCS	3	Kg	16	
59	59	Cát căn	*Radix Puerariae thomsonii*	Rễ	Sao vàng	DĐVN V/ TCCS	3	Kg	156	
60	60	Cát cánh	*Radix Platycodi grandiflori*	Thân rễ	Thái phiến	DĐVN V/ TCCS	3	Kg	125	
61	61	Câu đằng	*Ramulus cum unco Uncariae*	Cành	Sơ chế	DĐVN V/ TCCS	3	Kg	302	
62	62	Câu kỷ tử	*Fructus Lycii*	Quả	Sấy khô	DĐVN V/ TCCS	3	Kg	742	
63	63	Cẩu tích	*Rhizoma Cibotii*	Thân rễ	Sao vàng	DĐVN V/ TCCS	3	Kg	458	
64	64	Chỉ thực	*Fructus Aurantii immaturus*	Quả non	Sao	DĐVN V/ TCCS	3	Kg	65	
65	65	Chi tử	*Fructus Gardeniae*	Quả	Sao qua	DĐVN V/ TCCS	3	Kg	113	
66	66	Chỉ xác	*Fructus Aurantii*	Quả gần chín	Sao cám	DĐVN V/ TCCS	3	Kg	71	
67	67	Cốt toái bổ	*Rhizoma Drynariae*	Thân rễ	Sao vàng	DĐVN V/ TCCS	3	Kg	624	
68	68	Cúc hoa	*Flos Chrysanthemi indici*	Hoa	Sấy khô	DĐVN V/ TCCS	3	Kg	266	
69	69	Đại hoàng	*Rhizoma Rhei*	Thân rễ	Thái phiến	DĐVN V/ TCCS	3	Kg	26	
70	70	Đại táo	*Fructus Ziziphi jujubae*	Quả	Sấy khô	DĐVN V/ TCCS	3	Kg	450	
71	71	Dâm dương hoắc	*Herba Epimedii*	Lá	Sấy khô	DĐVN V/ TCCS	3	Kg	55	
72	72	Dâm dương hoắc	*Herba Epimedii*	Lá	Sơ chế	DĐVN V/ TCCS	3	Kg	35	
73	73	Dâm dương hoắc	*Herba Epimedii*	Toàn cây	Sơ chế	DĐVN V/ TCCS	3	Kg	16	
74	74	Đan sâm	*Radix Salviae miltiorrhizae*	Rễ	Chích rượu	DĐVN V/ TCCS	3	Kg	359	
75	75	Đảng sâm	*Radix Codonopsis*	Rễ	Chích gừng	DĐVN V/ TCCS	3	Kg	517	
76	76	Đào nhân	*Semen Pruni*	Hạt	Sao vàng	DĐVN V/ TCCS	3	Kg	229	
77	77	Địa long	*Pheretima*	Toàn thân	Tẩm rượu	DĐVN V/ TCCS	3	Kg	10	

STT	Mã số	Tên vị thuốc cổ truyền	Tên khoa học	Bộ phận dùng	Dạng sơ chế/ Phương pháp chế biến	Tiêu chuẩn chất lượng	Nhóm TCKT	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến	Ghi chú
78	78	Diệp hạ châu	*Herba Phyllanthi urinariae*	Toàn cây trừ rễ	Sấy khô	DĐVN V/ TCCS	3	Kg	120	
79	79	Đinh lăng	*Radix Polysciacis*	Thân rễ	Thái phiến	DĐVN V/ TCCS	3	Kg	45	
80	80	Đỗ trọng	*Cortex Eucommiae*	Vỏ	Chích muối	DĐVN V/ TCCS	3	Kg	745	
81	81	Độc hoạt	*Radix Angelicae pubescentis*	Rễ	Thái phiến	DĐVN V/ TCCS	3	Kg	532	
82	82	Đương quy (Toàn quy)	*Radix Angelicae sinensis*	Rễ	Chích rượu	DĐVN V/ TCCS	3	Kg	867	
83	83	Hà thủ ô đỏ	*Radix Fallopiae multiflorae*	Rễ	Chế đậu đen	DĐVN V/ TCCS	3	Kg	558	
84	84	Hạnh nhân	*Semen Armeniacae amarum*	Hạt	Sao vàng	DĐVN V/ TCCS	3	Kg	120	
85	85	Hậu phác	*Cortex Magnoliae officinali*	Vỏ thân	Chích gừng	DĐVN V/ TCCS	3	Kg	99	
86	86	Hoài sơn	*Tuber Dioscoreae persimilis*	Thân rễ	Sao cám	DĐVN V/ TCCS	3	Kg	445	
87	87	Hoàng bá	*Cortex Phellodendri*	Vỏ thân	Chích muối	DĐVN V/ TCCS	3	Kg	28	
88	88	Hoàng cầm	*Radix Scutellariae*	Rễ	Sao đen	DĐVN V/ TCCS	3	Kg	75	
89	89	Hoàng kỳ (Bạch kỳ)	*Radix Astragali membranacei*	Rễ	Chích mật	DĐVN V/ TCCS	3	Kg	515	
90	90	Hoàng liên	*Rhizoma Coptidis*	Thân rễ	Chích rượu	DĐVN V/ TCCS	3	Kg	68	
91	91	Hòe hoa	*Flos Styphnolobii japonici*	Hoa	Sao vàng	DĐVN V/ TCCS	3	Kg	279	
92	92	Hồng hoa	*Flos Carthami tinctorii*	Hoa	Sấy khô	DĐVN V/ TCCS	3	Kg	149	
93	93	Hương phụ	*Rhizoma Cyperi*	Thân rễ	Chế rượu, dấm, muối, đồng tiện	DĐVN V/ TCCS	3	Kg	106	
94	94	Hương phụ	*Rhizoma Cyperi*	Thân rễ	Tứ chế	DĐVN V/ TCCS	3	Kg	34	
95	95	Huyền hồ	*Tuber Corydalis*	Rễ củ	Thố huyền hồ	DĐVN V/ TCCS	3	Kg	42	
96	96	Huyền sâm	*Radix Scrophulariae*	Rễ	Thái phiến	DĐVN V/ TCCS	3	Kg	176	
97	97	Huyết giác	*Lignum Dracaenae cambodianae*	Phần thân hóa gỗ màu đỏ	Sơ chế	DĐVN V/ TCCS	3	Kg	90	
98	98	Hy thiêm	*Herba Siegesbeckiae*	Toàn cây trừ rễ	Sơ chế	DĐVN V/ TCCS	3	Kg	495	
99	99	Ích mẫu	*Herba Leonuri japonici*	Toàn cây trừ rễ	Sấy khô	DĐVN V/ TCCS	3	Kg	228	
100	100	Ích trí nhân	*Fructus Alpiniae oxyphyllae*	Quả	Sơ chế	DĐVN V/ TCCS	3	Kg	86	
101	101	Ké đầu ngựa (Thương nhĩ tử)	*Fructus Xanthii strumarii*	Quả	Sao cháy gai	DĐVN V/ TCCS	3	Kg	262	
102	102	Kê huyết đằng	*Caulis Spatholobi*	Thân cây	Thái phiến	DĐVN V/ TCCS	3	Kg	613	
103	103	Khương hoàng/Uất kim	*Rhizoma et Radix Curcumae longae*	Rễ	Thái phiến	DĐVN V/ TCCS	3	Kg	294	

STT	Mã số	Tên vị thuốc cổ truyền	Tên khoa học	Bộ phận dùng	Dạng sơ chế/ Phương pháp chế biến	Tiêu chuẩn chất lượng	Nhóm TCKT	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến	Ghi chú
104	104	Khương hoạt	*Rhizoma et Radix Notopterygii*	Thân rễ	Thái phiến	DĐVN V/ TCCS	3	Kg	169	
105	105	Kim ngân hoa	*Flos Lonicerae*	Hoa	Sấy khô	DĐVN V/ TCCS	3	Kg	230	
106	106	Kim tiền thảo	*Herba Desmodii styracifolii*	Toàn cây	Sấy khô	DĐVN V/ TCCS	3	Kg	226	
107	107	Kinh giới	*Herba Elsholziae ciliatae*	Toàn cây trừ rễ	Sấy khô	DĐVN V/ TCCS	3	Kg	23	
108	108	Lạc tiên	*Herba Passiflorae*	Thân dây, lá hoa	Cắt đoạn, Sấy khô	DĐVN V/ TCCS	3	Kg	144	
109	109	Liên kiều	*Fructus Forsythiae*	Quả	Sấy khô	DĐVN V/ TCCS	3	Kg	156	
110	110	Liên nhục	*Semen Nelumbinis*	Hạt	Sao vàng	DĐVN V/ TCCS	3	Kg	415	
111	111	Liên tâm	*Embryo Nelumbinis nuciferae*	Chồi mầm màu xanh giữa hạt	Sấy khô	DĐVN V/ TCCS	3	Kg	147	
112	112	Liên tâm	*Embryo Nelumbinis nuciferae*	Tâm sen	Sao qua	DĐVN V/ TCCS	3	Kg	25	
113	113	Long đởm thảo	*Radix et R hizoma Gentianae*	Thân rễ	Sơ chế (Thái đoạn)	DĐVN V/ TCCS	3	Kg	66	
114	114	Mạch môn	*Radix Ophiopogonis japonici*	Rễ	Sao vàng	DĐVN V/ TCCS	3	Kg	265	
115	115	Mạn kinh tử	*Fructus Viticis*	Quả	Sao vàng	DĐVN V/ TCCS	3	Kg	74	
116	116	Mẫu đơn bì	*Cortex Paeoniae suffruticosae*	Vỏ	Sao vàng/ Chích rượu	DĐVN V/ TCCS	3	Kg	255	
117	117	Mộc hương	*Radix Saussureae lappae*	Rễ	Thái phiến	DĐVN V/ TCCS	3	Kg	396	
118	118	Nga truật	*Rhizoma Curcumae zedoariae*	Rễ	Thái phiến	DĐVN V/ TCCS	3	Kg	271	
119	119	Ngọc trúc	*Rhizoma Polygonati odorati*	Thân rễ	Chưng rượu	DĐVN V/ TCCS	3	Kg	10	
120	120	Ngũ gia bì chân chim	*Cortex Schefflerae heptaphyllae*	Vỏ	Sấy khô	DĐVN V/ TCCS	3	Kg	446	
121	121	Ngũ vị tử	*Fructus Schisandrae*	Quả	Chích giấm	DĐVN V/ TCCS	3	Kg	226	
122	122	Ngưu tất	*Radix Achyranthis bidentatae*	Rễ	Chích muối	DĐVN V/ TCCS	3	Kg	266	
123	123	Ngưu tất	*Radix Achyranthis bidentatae*	Rễ	Chích rượu	DĐVN V/ TCCS	3	Kg	1.093	
124	124	Nhân trần	*Herba Adenosmatis caerulei*	Toàn cây	Sơ chế (sấy khô)	DĐVN V/ TCCS	3	Kg	10	
125	125	Nhân trần	*Herba Adenosmatis caerulei*	Toàn cây trừ rễ	Sấy khô	DĐVN V/ TCCS	3	Kg	90	
126	126	Nhục thung dung	*Herba Cistanches*	Toàn cây	Chưng rượu	DĐVN V/ TCCS	3	Kg	142	
127	127	Phá cố chỉ (Bổ cốt chỉ)	*Fructus Psoraleae corylifoliae*	Quả	Chích muối	DĐVN V/ TCCS	3	Kg	156	

STT	Mã số	Tên vị thuốc cổ truyền	Tên khoa học	Bộ phận dùng	Dạng sơ chế/ Phương pháp chế biến	Tiêu chuẩn chất lượng	Nhóm TCKT	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến	Ghi chú
128	128	Phòng phong	*Radix Saposhnikoviae divaricatae*	Rễ	Thái phiến	DĐVN V/ TCCS	3	Kg	762	
129	129	Phụ tử chế (Hắc phụ, Bạch phụ)	*Radix Aconiti lateralis praeparata*	Rễ	Chế muối	DĐVN V/ TCCS	3	Kg	56	
130	130	Phục thần	*Poria*	Thể quả nấm	Thái phiến	DĐVN V/ TCCS	3	Kg	174	
131	131	Quất hồng bì	*Fructus Clausenae lansii*	Quả	Ngâm mật ong	DĐVN V/ TCCS	3	Kg	30	
132	132	Quế chi	*Ramulus Cinnamomi*	Cành	Thái phiến	DĐVN V/ TCCS	3	Kg	628	
133	133	Quế nhục	*Cortex Cinnamomi*	Vỏ	Sơ chế	DĐVN V/ TCCS	3	Kg	28	
134	134	Quế nhục	*Cortex Cinnamomi*	Vỏ thân	Sấy khô	DĐVN V/ TCCS	3	Kg	130	
135	135	Quế nhục	*Cortex Cinnamomi*	Vỏ thân	Thái phiến	DĐVN V/ TCCS	3	Kg	23	
136	136	Sa nhân	*Fructus Amomi*	Quả	Sơ chế	DĐVN V/ TCCS	3	Kg	94	
137	137	Sa sâm	*Radix Glehniae*	Rễ	Thái phiến	DĐVN V/ TCCS	3	Kg	70	
138	138	Sài hồ	*Radix Bupleuri*	Rễ	Sấy khô	DĐVN V/ TCCS	3	Kg	76	
139	139	Sài hồ	*Radix Bupleuri*	Rễ	Sơ chế	DĐVN V/ TCCS	3	Kg	10	
140	140	Sinh địa	*Radix Rehmanniae glutinosae*	Rễ	Thái phiến	DĐVN V/ TCCS	3	Kg	580	
141	141	Sơn tra	*Fructus Mali*	Quả chín	Sao đen	DĐVN V/ TCCS	3	Kg	65	
142	142	Tân di	*Flos Magnoliae liliflorae*	Hoa	Sơ chế	DĐVN V/ TCCS	3	Kg	104	
143	143	Tần giao	*Radix Gentianae macrophyllae*	Rễ	Sơ chế	DĐVN V/ TCCS	3	Kg	495	
144	144	Tang chi	*Ramulus Mori albae*	Cành	Sấy khô	DĐVN V/ TCCS	3	Kg	265	
145	146	Tang ký sinh	*Herba Loranthi gracilifolii*	Toàn cây	Sơ chế (Thái đoạn)	DĐVN V/ TCCS	3	Kg	922	
146	147	Táo nhân	*Semen Ziziphi mauritianae*	Nhân hạt	Sao đen	DĐVN V/ TCCS	3	Kg	451	
147	148	Tế tân	*Radix et Rhizoma Asari*	Rễ	Sấy khô	DĐVN V/ TCCS	3	Kg	416	
148	149	Thăng ma	*Rhizoma Cimicifugae*	Thân rễ	Sấy khô	DĐVN V/ TCCS	3	Kg	121	
149	150	Thảo quyết minh	*Semen Cassiae torae*	Hạt	Sao cháy	DĐVN V/ TCCS	3	Kg	206	
150	151	Thiên hoa phấn	*Radix Trichosanthis*	Rễ củ	Gọt giỏ thái phiến	DĐVN V/ TCCS	3	Kg	25	
151	152	Thiên ma	*Rhizoma Gastrodiae elatae*	Thân rễ	Sơ chế	DĐVN V/ TCCS	3	Kg	165	
152	153	Thiên môn đông	*Radix Asparagi cochinchinensis*	Rễ	Sơ chế	DĐVN V/ TCCS	3	Kg	102	
153	154	Thiên niên kiện	*Rhizoma Homalomenae occultae*	Thân rễ	Sơ chế	DĐVN V/ TCCS	3	Kg	799	
154	155	Thổ phục linh	*Rhizoma Smilacis glabrae*	Thân rễ	Thái phiến	DĐVN V/ TCCS	3	Kg	732	

STT	Mã số	Tên vị thuốc cổ truyền	Tên khoa học	Bộ phận dùng	Dạng sơ chế/ Phương pháp chế biến	Tiêu chuẩn chất lượng	Nhóm TCKT	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến	Ghi chú
155	156	Thỏ ty tử	*Semen Cuscutae*	Hạt	Chích muối	DĐVN V/ TCCS	3	Kg	10	
156	157	Thục địa	*Radix Rehmanniae glutinosae praeparata*	Rễ	Chế rượu, gừng, sa nhân	DĐVN V/ TCCS	3	Kg	1.151	
157	158	Thương truật	*Rhizoma Atractylodis*	Thân rễ	Sao cháy/ Sao vàng	DĐVN V/ TCCS	3	Kg	105	
158	159	Trạch tả	*Rhizoma Alismatis*	Thân rễ	Thái phiến	DĐVN V/ TCCS	3	Kg	896	
159	160	Trần bì	*Pericarpium Citri reticulatae perenne*	Vỏ quả	Sao vàng	DĐVN V/ TCCS	3	Kg	373	
160	161	Tri mẫu	*Rhizoma Anemarrhenae*	Thân rễ	Chích rượu	DĐVN V/ TCCS	3	Kg	111	
161	162	Trinh nữ hoàng cung	*Folium Crini latifolii*	Lá	Sấy khô	DĐVN V/ TCCS	3	Kg	40	
162	163	Tục đoạn	*Radix Dipsaci*	Rễ	Chích rượu	DĐVN V/ TCCS	3	Kg	508	
163	164	Uy linh tiên	*Radix et Rhizoma Clematidis*	Rễ, thân rễ	Chích rượu	DĐVN V/ TCCS	3	Kg	64	
164	165	Xích thược	*Radix Paeoniae*	Rễ	Sơ chế	DĐVN V/ TCCS	3	Kg	125	
165	166	Xuyên khung	*Rhizoma Ligustici wallichii*	Thân rễ	Chích rượu	DĐVN V/ TCCS	3	Kg	983	
166	167	Ý dĩ	*Semen Coicis*	Hạt	Sao cám	DĐVN V/ TCCS	3	Kg	351	
Tổng cộng: 166 mặt hàng.										